

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI D- ƠNG

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2017

"V/v Tranh chấp HNGĐ"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI D- ƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Nghiêm** và bà **Bùi Thị Chi**.

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ
- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **193/2017/TLST-HNGĐ** ngày **30 tháng 10 năm 2017** về việc “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số **27/2017/QĐXXST-HNGĐ** ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1988.

HKTT: Thanh Miện, Hải D- ơng.

Chỗ ở: , xa L, Thanh Miện, Hải D- ơng.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983.

HKTT: Thanh Miện, Hải D- ơng.

Chị Hoài có mặt, anh Hân vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh H **đ- ọc tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 22/12/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh H tại thôn Q, xã L. Chị làm công ty, anh H đi phụ xây gần nhà. Vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận đ- ọc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng th- ờng xuyên xảy ra đánh, chửi nhau. Mặt khác, trong cuộc sống, anh H là ng- ời không có quan điểm, lập tr- ờng; không có trách nhiệm với vợ, con; thể hiện ở việc: Anh đi làm, có thu nhập nh- ng anh không hỗ trợ chi các chi phí sinh hoạt trong gia đình; anh thu nhập bao nhiêu, sử dụng vào việc gì chị không hề biết. Đặc biệt sau khi chị sinh con, cuộc sống gặp nhiều khó khăn về kinh tế, anh H cũng không quan tâm, không chia sẻ với chị. Mỗi lần chị đề cập việc chi tiêu thì vợ chồng lại xảy ra xô xát, xúc phạm nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2017, sau đó chị chủ động về nhận lỗi với chồng và gia đình chồng nh- ng không

đ- ọc thông cảm nên chị về ở hẳn nhà đẻ, không quay lại nhà chồng lần nào nữa, vợ chồng mỗi ng- ời một cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

Chị và anh H có 02 con chung: Nguyễn Duy H, sinh ngày 27/4/2010 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 15/6/2015, hiện cháu H ở với anh Hân, cháu Đ ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết mỗi ng- ời nuôi một con, hai bên không phải cấp d- ỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng nh- chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà với mẹ đẻ anh, đ- ọc 1 năm thì ăn riêng, vợ chồng ở gian nhà ngang cùng thửa đất. Theo anh, vợ chồng chung sống bình th- ờng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Bản thân anh là ng- ời chịu khó lao động, có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không tránh khỏi bất đồng, chị H là ng- ời không khéo léo trong cách c- xử, th- ờng xuyên tranh cãi và có lời lẽ xúc phạm, coi th- ờng anh và mẹ anh dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, mâu thuẫn gia đình căng thẳng. Sau đó chị H đã tự ý thu dọn đồ đạc, t- trang bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân nhau khoảng 1 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn.

Chị H xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh không bỏ vợ bỏ con; anh không tìm chị H; anh cũng không đến Tòa án để trình bày quan điểm. Anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung. Hiện cháu Nguyễn Duy H ở với anh, cháu Nguyễn Hải Đ ở với chị H. Tr- ờng hợp anh và chị Hoài ly hôn, anh xin đ- ọc nuôi con Nguyễn Duy H - sinh ngày 27/4/2010, còn chị H nuôi con Nguyễn Hải Đ - sinh ngày 15/6/2015, anh và chị Hoài không phải cấp d- ỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và Th- ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; nguyên đơn chị Hoài nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của BLTTDS; bị đơn anh Hân không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên toà là vi phạm quy định của BLTTDS.

Về đ- ờng lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

□p dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc Hội;

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị H đ- ọc ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 15/6/2015; giao cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 27/4/2010. Chị H và anh H không phải cấp d- ỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai đ- ọc cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về tố tụng: Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nh- ng anh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

2- Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 22/12/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H, anh H đều thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị H xác định không bao giờ về đoàn tụ cùng anh H, phía anh H xác định không tìm chị H. Tr- ớc tình trạng hôn nhân của anh chị, anh H tỏ thái độ bỏ mặc, anh biết chị H xin ly hôn nh- ng anh không đến Tòa án trình bày quan điểm, anh vắng mặt tại các phiên hoà giải, phiên họp và tại phiên tòa. Nh- vậy đủ cơ sở để kết luận: Mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh H, phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quan hệ con chung: Chị H, anh H có hai con chung; hiện anh H nuôi con Nguyễn Duy H, sinh ngày 27/4/2010, chị H nuôi con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 15/6/2015. Cháu H có nguyện vọng ở với anh H; cháu Đ ch- a đủ 36 tháng tuổi. Quan điểm của chị H, anh H đề nghị Tòa án giao cho mỗi bên nuôi một con chung; anh, chị tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, HĐXX giao cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 15/6/2015; giao cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 27/4/2010 và chấp nhận sự tự nguyện của anh chị không yêu cầu ng- ời kia cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: **Chị H, anh H không yêu cầu** nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: **Chị H** khởi kiện vụ án HNGĐ nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc Hội;

1- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 15/6/2015;

Giao cho anh Nguyễn Văn H trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy H, sinh ngày 27/4/2010.

Chị H, anh H không phải cấp d- ỡng nuôi con chung cho nhau nh- ng vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai đ- ợc cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị H, anh H không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đ- ợc đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004010 ngày 30/10/2017.

Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Hân có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã Lê Hồng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên